

Số: 506 /NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2021;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15 ngày 02 tháng 6 năm 2022.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán năm 2021 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM TRƯỚC	(ĐVT: đồng)
			NĂM BÁO CÁO
<u>A- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :</u>			
<u>I Tài sản ngắn hạn</u>	100 - BCĐKT	26.569.771.748	29.959.315.605
1. Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	14.552.024.095	17.536.915.621
2. Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	232.773.372	56.071.545
3. Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	66.467.639	66.467.639

<u>II Tài sản dài hạn</u>	200 - BCĐKT	3.071.222.403	2.445.490.054
1. Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	0	0
2. Tài sản cố định	220 - BCĐKT	3.071.222.403	2.445.490.054
- Nguyên giá	222+226+228- BCĐKT	10.449.953.963	10.352.800.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229- BCĐKT	-7.378.731.560	-7.907.310.009
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242 - BCĐKT	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	0	0
<u>III Nợ phải trả</u>	300 - BCĐKT	18.359.152.558	20.590.804.909
1. Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	18.359.152.558	20.590.804.909
2. Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	0	0
<u>IV Vốn chủ sở hữu</u>	400 - BCĐKT	11.281.841.593	11.814.000.750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu.	411 - BCĐKT	7.402.560.000	7.402.560.000
Trong đó: Vốn góp của nhà nước			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT	166.904.137	166.904.137
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413 - BCĐKT	0	0
4. Quỹ dự phòng tài chính			
5. Lợi nhuận chưa phân phối		2.881.620.867	2.980.850.357
6. Quỹ khen thưởng HĐQT		100.000.000	100.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		350.000.000	350.000.000
8. Quỹ phát triển		432.929.667	458.133.557
9. Lợi nhuận được chia cổ tức		1.998.691.200	2.072.716.800
<u>B- KẾT QUẢ KINH DOANH</u>			
1. Tổng doanh thu		40.738.103.443	43.792.743.583
2. Tổng lãi		3.402.127.127	3.491.086.532
3. Chi phí khác (Trả nợ cũ các năm trước và xử lý nợ)		315.774.726	153.457.572
4. Tổng phải nộp ngân sách trong năm		520.506.260	510.236.175



5. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.881.620.867	2.980.850.357
<u>C- CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁC</u>			
1. Tỷ suất lợi nhuận /doanh thu		8,35%	7,97%
2. Lợi nhuận/Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25,54%	25,23%
3. Tổng nợ phải trả /Vốn đầu tư của chủ sở hữu		162,73%	174,29%
4. Cổ tức được chia/01 cổ phần		2.700 đồng/1cp	2.800 đồng/1cp
5. Cổ tức trả về Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (52,24%)		1.044.149.400	1.082.821.600
6. Tổng quỹ lương và thù lao		18.922.058.919	19.011.600.000
7. Số lao động bình quân trong năm		78	78

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của BKS về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2021 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.

Điều 4. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; Thù lao, lương Trưởng BKS và thưởng thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; Thù lao, lương Trưởng BKS và thưởng thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến. Cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	43.792.743.583
2	Tổng chi phí	40.301.657.051
3	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	3.491.086.532
4	Chi phí khác (xử lý chi phí của các năm trước khi	153.457.572

0201
CÔNG
CỔ PHẦN
N L Y
G THỦ
S
NH-1

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
	cổ phần hóa)	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	510.236.175
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	2.980.850.357
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ	40,27%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế:	
	- Quỹ khen thưởng (HĐQT và BKS) 3%	100.000.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi 12%	350.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển 15%	458.133.557
	- Chia cổ tức 70%	2.072.716.800
9	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	28%

2. Tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát dự kiến chi trả trong năm 2022:

- Lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 7.900.000 đồng/tháng
- Thù lao:
 - + Chủ tịch HĐQT : Không hưởng thù lao
 - + Thành viên HĐQT : 2.500.000 đồng/tháng
 - + Trưởng Ban kiểm soát : Không hưởng thù lao
 - + Thành viên BKS : 1.200.000 đồng/tháng

3. Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Ban điều hành dự kiến chi trả trong năm 2022:

Để động viên khích lệ nâng cao doanh thu, lợi nhuận trong SXKD năm 2022, Công ty dự kiến tỷ lệ trích thưởng cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), thư ký và ban điều hành công ty tối đa là 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch và không vượt quá 200.000.000 đồng đã biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông năm 2022. Giá trị và đối tượng được thưởng do HĐQT quyết định, kinh phí trích từ phần lợi nhuận vượt so với kế hoạch.

Điều 5. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2022
1	Vốn điều lệ	7.402



STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2022
2	Doanh thu	37.000
3	Tổng chi phí	34.750
4	Lợi nhuận trước thuế	2.250
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	450
6	Lợi nhuận sau thuế	1.800
7	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	24,32%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	180
	Quỹ dự trữ bổ sung vốn (10%)	180
	Chia trả cổ tức (80%)	1.440
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ	19,5 %
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	12

Điều 6. Thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 với 100% phiếu biểu quyết tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.

Thống nhất ủy quyền HĐQT chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính công bố.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2022.

Các Ông, Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Đình Thi